

## THÔNG BÁO

### Tuyển sinh đào tạo Dược sĩ chuyên khoa cấp I, Dược sĩ chuyên khoa cấp II năm 2024

Căn cứ chỉ tiêu đào tạo Dược sĩ chuyên khoa cấp I (DSCKI), Dược sĩ chuyên khoa cấp II (DSCKII) đã xác định năm 2024; Trường Đại học Dược Hà Nội thông báo tuyển sinh đào tạo DSCKI, DSCKII năm 2024 như sau:

#### I. CHỈ TIÊU VÀ CÁC NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH

##### 1. Chuyên khoa cấp I

Chỉ tiêu: 200

Các ngành tuyển sinh: Dược lý và dược lâm sàng; Tổ chức quản lý dược.

##### 2. Chuyên khoa cấp II

Chỉ tiêu: 40

Các ngành tuyển sinh: Dược lý và dược lâm sàng; Tổ chức quản lý dược

#### II. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

##### 1. Dược sĩ chuyên khoa cấp I

1.1. Có bằng tốt nghiệp đại học dược, có thời gian công tác liên tục trong lĩnh vực y tế ít nhất 12 tháng (tính từ ngày có Quyết định tốt nghiệp đến ngày dự thi).

1.2. Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

1.3. Có đủ sức khỏe để học tập.

##### 2. Dược sĩ chuyên khoa cấp II

2.1. Có bằng tốt nghiệp Dược sĩ chuyên khoa cấp I hoặc bằng Thạc sĩ dược học đúng chuyên ngành hoặc chuyên ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi.

Đối với người có bằng tốt nghiệp Dược sĩ chuyên khoa cấp I: Được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

Đối với người có bằng Thạc sĩ dược học: Có ít nhất 36 tháng công tác trong chuyên ngành đăng ký dự thi kể từ khi tốt nghiệp.

2.2. Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2.4. Có đủ sức khỏe để học tập.

#### III. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

##### 1. Dược sĩ chuyên khoa cấp I

Tập trung theo chứng chỉ: Học viên tập trung học tập theo kế hoạch của Nhà trường. Thời gian học tập tương đương 2 năm tập trung và kéo dài từ 3 đến 4 năm.

##### 2. Dược sĩ chuyên khoa cấp II

Tập trung theo chứng chỉ: Học viên tập trung học tập theo kế hoạch của Nhà trường. Thời gian học tập tương đương 2 năm tập trung và kéo dài không quá 4 năm.

#### **IV. CÁC MÔN THI TUYỂN SINH**

##### **1. Dược sĩ chuyên khoa cấp I**

###### **a) Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển**

###### **b) Các môn thi tuyển sinh:**

Thi hai môn gồm môn cơ sở và môn chuyên ngành theo chương trình đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội (*Phụ lục 1*). Thi tự luận với thời gian 180 phút/1 môn.

##### **2. Dược sĩ chuyên khoa cấp II**

###### **a. Hình thức tuyển sinh: thi tuyển.**

###### **b. Các môn thi tuyển sinh:**

Môn Tiếng Anh: Nội dung thi tương đương trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

Môn chuyên ngành: Theo chương trình đào tạo DSCKI của Trường Đại học Dược Hà Nội. Thi tự luận với thời gian 180 phút/1 môn.

*(Nội dung hướng dẫn ôn tập của các môn thi được công bố trên website của Trường.*

*Nhà trường không tổ chức ôn tập).*

Thí sinh dự thi được miễn thi ngoại ngữ nếu đạt một trong những điều kiện sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (*Phụ lục 2*).

- Đang công tác liên tục 03 năm trở lên tại các địa phương được quy định là khu vực 1 (KV1) tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự thi (có minh chứng). Khu vực ưu tiên căn cứ theo bảng phân chia khu vực tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2024

- Đang công tác liên tục 03 năm trở lên tại khu vực 2 nông thôn đối với người không phải dân tộc Kinh (có minh chứng).

Thí sinh dự thi môn Tiếng Anh đầu vào của Trường; thí sinh thuộc đối tượng chính sách được miễn thi môn ngoại ngữ đầu vào hoặc có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ trình độ bậc 3/6 sẽ tự học và thi đạt chuẩn năng lực Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam trước khi xét tốt nghiệp chuyên khoa cấp II.

#### **V. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN**

##### **1. Đối tượng ưu tiên:** Đối với thí sinh dự thi tuyển trình độ chuyên khoa cấp I

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có Quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- c) Con liệt sĩ;
- d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- đ) Người dân tộc thiểu số hiện có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định tại điểm a;
- e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

## **2. Chính sách ưu tiên:**

Chuyên khoa cấp I: Thí sinh dự thi thuộc diện ưu tiên được cộng 01 điểm vào kết quả thi cho môn chuyên ngành.

### **Ghi chú:**

- Thí sinh thuộc các đối tượng ưu tiên trên đề nghị nộp giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền khi đi nộp hồ sơ đăng ký dự thi (không giải quyết trường hợp bổ sung giấy ưu tiên sau khi đã hết hạn nộp hồ sơ).
- Mỗi thí sinh chỉ được hưởng một diện ưu tiên, thí sinh **không đăng ký ưu tiên** khi nộp hồ sơ dự thi sẽ không được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt ưu tiên.
- Khu vực ưu tiên căn cứ bảng phân chia khu vực tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2024.

## **VI. PHƯƠNG THỨC XÉT TRÚNG TUYỂN**

- **Điều kiện xét trúng tuyển chuyên khoa cấp I:** điểm các môn thi cơ sở và chuyên ngành  $\geq 5$  điểm (thang điểm 10; sau khi đã cộng điểm ưu tiên);
- **Điều kiện xét trúng tuyển chuyên khoa cấp II:** điểm môn thi chuyên ngành  $\geq 5$  điểm (thang điểm 10; sau khi đã cộng điểm ưu tiên); điểm môn Tiếng Anh tương đương trình độ bậc 3/6  $\geq 50$  điểm (thang điểm 100) hoặc có Chứng chỉ Tiếng Anh theo quy định.
- Căn cứ vào điều kiện trên và chỉ tiêu ngành tuyển sinh: Xét tổng điểm từ cao xuống thấp

## **VII. HỒ SƠ TUYỂN SINH**

*Hồ sơ tuyển sinh gồm các giấy tờ xếp theo thứ tự dưới đây:*

### **1. Dược sĩ chuyên khoa cấp I**

- 1.1. Phiếu đăng ký dự thi tuyển (theo mẫu).
- 1.2. Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học dược.
- 1.3. Công văn cử đi dự thi của cơ quan quản lý trực tiếp (đối với người có việc làm).
- 1.4. Sơ yếu lý lịch (có dán ảnh và đóng dấu giáp lai) có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (đối với người có việc làm) hoặc chính quyền địa phương (đối với người chưa có việc làm).
- 1.5. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập do một cơ sở khám chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn 6 tháng (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế).
- 1.6. Giấy xác nhận thâm niên công tác trong ngành dự thi của cơ quan có thẩm quyền (theo mẫu).
- 1.7. Giấy chứng nhận thuộc diện ưu tiên (nếu có) theo quy định của Nhà nước.

1.8. 03 ảnh 4 x 6 cm (ghi rõ họ và tên; ngày tháng năm sinh, nơi sinh vào mặt sau mỗi ảnh) và 02 phong bì ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc người nhận.

## **2. Dược sĩ chuyên khoa cấp II**

2.1. Phiếu đăng ký dự thi tuyển (theo mẫu).

2.2. Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học dược.

2.3. Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp DSCKI và bảng điểm DSCKI.

2.4. Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp Thạc sĩ dược học và bảng điểm Thạc sĩ (thí sinh đã tốt nghiệp Thạc sĩ).

2.5. Bản sao có công chứng văn bằng, chứng chỉ Tiếng Anh theo điều kiện xét miễn thi.

2.6. Công văn cử đi dự thi tuyển DSCKII của cơ quan quản lý trực tiếp (đối với người có việc làm).

2.7. Sơ yếu lý lịch (có dán ảnh và đóng dấu giáp lai) có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (đối với người có việc làm) hoặc chính quyền địa phương (đối với người chưa có việc làm).

2.8. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập do một cơ sở khám chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn 6 tháng (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

2.9. Giấy xác nhận thâm niên công tác trong chuyên ngành dự thi của cơ quan có thẩm quyền với đối tượng dự thi là Thạc sĩ (theo mẫu).

2.10. Giấy chứng nhận thuộc diện ưu tiên (nếu có) theo qui định của Nhà nước.

2.11. 03 ảnh 4 x 6 cm (ghi rõ họ tên, ngày, nơi sinh vào mặt sau mỗi ảnh) và 02 phong bì có ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc người nhận.

Lưu ý: Học viên trúng tuyển khi nhập học phải đóng học phí và các khoản lệ phí khác theo đúng quy định hiện hành (Mức học phí của các hệ DSCKI, DSCKII xem trên website của Trường).

## **VIII. LỆ PHÍ DỰ THI**

Lệ phí dự thi DSCKI: **300.000 đ** (Ba trăm nghìn đồng).

Lệ phí dự thi DSCKII: **300.000 đ** (Ba trăm nghìn đồng).

Lưu ý: Mức lệ phí trên cho các thí sinh đăng ký thi tại Trường Đại học Dược Hà Nội. Đối với thí sinh đăng ký thi tại địa điểm khác Nhà trường sẽ thông báo lệ phí sau.

Hướng dẫn nộp lệ phí xem tại Phụ lục 3. Thí sinh nộp hồ sơ nhưng không dự thi sẽ không được hoàn lại hồ sơ và lệ phí dự thi.

## **IX. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THI TUYỂN**

**1. Thời gian thi tuyển:** Ngày 16 và 17 tháng 8 năm 2024.

**2. Địa điểm thi tuyển:**

Các tỉnh phía Bắc (từ Huế trở ra): Thi tại Trường Đại học Dược Hà Nội, số 13-15 Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Các tỉnh phía Nam: Thi tại Trường Cao đẳng Hậu cần 2, số 50 Lê Văn Việt, P. Hiệp Phú, Q. 9, TP Hồ Chí Minh (nếu điểm thi có  $\geq 20$  thí sinh).

## **X. THỜI HẠN, HÌNH THỨC VÀ ĐỊA ĐIỂM NỘP HỒ SƠ**

**1. Thời gian đăng ký hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ:**

**<https://tuyensinh.saudaihoc.hup.edu.vn/> từ 8h00 ngày 10/5/2024 đến 16h30 ngày 26/7/2024.**

**2. Thời gian tiếp nhận hồ sơ:** Sau khi đăng ký trực tuyến thành công, thí sinh in Phiếu đăng ký, lấy xác nhận theo yêu cầu của Nhà trường.

- Nhận hồ sơ chính thức đăng ký dự tuyển:

Sáng: 8h00 – 11h30; chiều: 13h30-16h30

Thời gian nộp hồ sơ từ **ngày 01/7/2024 đến ngày 26/7/2024.**

Tất cả giấy tờ được đựng trong một túi hồ sơ, bên ngoài ghi rõ trình độ dự thi, họ tên, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của thí sinh.

Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trong phiếu đăng ký dự thi, và các giấy tờ, văn bằng nộp. Nhà trường có quyền từ chối tiếp nhận nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin.

**3. Địa điểm nhận hồ sơ:** Phòng Quản lý Đào tạo – Bộ phận Sau đại học - Trường Đại học Dược Hà Nội, số 13-15 Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

**IX. THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ KẾT QUẢ VÀ KHAI GIẢNG KHÓA HỌC**

**1. Công bố kết quả thi tuyển:** Dự kiến tháng 9 năm 2024.

**2. Khai giảng khóa học:** Dự kiến tháng 10 năm 2024.

**X. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

Đối với lớp đào tạo tại Trường Đại học Dược Hà Nội, thu học phí theo Quy định.

Đối với lớp tổ chức học theo chứng chỉ tại địa phương theo nhu cầu của các Sở Y tế (nếu lớp có  $\geq 20$  học viên), kinh phí thu theo thỏa thuận.

Thông tin chi tiết trong quá trình tuyển sinh và xét trúng tuyển xem trên trang web tuyển sinh của Trường: <http://tuyensinh.hup.edu.vn>

Hoặc liên hệ trực tiếp:

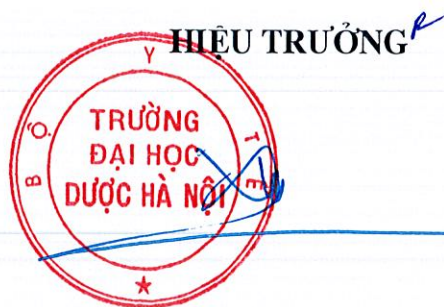
Phòng Quản lý Đào tạo – Bộ phận Sau đại học - Trường Đại học Dược Hà Nội, số 13-15 Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Email liên hệ: [p.saudaihoc@hup.edu.vn](mailto:p.saudaihoc@hup.edu.vn)

Kính đề nghị các cơ quan thông báo nội dung tuyển sinh này tới các cơ sở trực thuộc và các cán bộ y tế có nguyện vọng dự thi các chương trình nói trên để kịp thời đăng ký và hoàn tất thủ tục dự thi tuyển.

**Nơi nhận:**

- Các cơ quan, đơn vị y tế TW và địa phương;
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- CT Hội đồng trường;
- Ban Giám hiệu;
- Viện/Trung tâm/Khoa và các đơn vị liên quan;
- Website; Niêm yết bảng tin;
- Lưu: VT, QLĐT.



**Nguyễn Hải Nam**

**PHỤ LỤC 1**  
**DANH MỤC CÁC MÔN THI CHO CHUYÊN KHOA**

<b>Ngành/Chuyên ngành</b>	<b>Môn cơ sở</b>	<b>Môn chuyên ngành</b>
<b>Chuyên khoa cấp I</b>		
Dược lý và dược lâm sàng	Bào chế và sinh dược học	Hóa dược
Tổ chức quản lý dược	Bào chế và sinh dược học	Hóa dược
<b>Chuyên khoa cấp II</b>		
Dược lý và dược lâm sàng		Chuyên ngành DL&DLS
Tổ chức quản lý dược		Chuyên ngành TCQLD

## PHỤ LỤC 2

### BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ / Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương bậc 3	Tương đương bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
2	Tiếng Pháp	TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
		Aptis International Certificate	Aptis B1	Aptis B2
		CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

Chứng chỉ tiếng Anh phải do một cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận cấp, trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự thi.

### 3. Danh sách các đơn vị đủ điều kiện tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (Tiếng Anh)

Theo Thông báo số: 1098/TB-QLCL ngày 07/7/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Cơ sở được cấp phép	Ghi chú
1	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	
2	Trường Đại học Hà Nội	

<b>TT</b>	<b>Cơ sở được cấp phép</b>	<b>Ghi chú</b>
3	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	
4	Đại học Thái Nguyên	
5	Trường Đại học Vinh	
6	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	
7	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	
8	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	
9	Trường Đại học Cần Thơ	
10	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	
11	Học viện An Ninh nhân dân	
12	Trường Đại học Sài Gòn	
13	Trường Đại học Trà Vinh	
14	Trường Đại học Văn Lang	
15	Trường Đại học Quy Nhơn	
16	Trường Đại học Tây Nguyên	
17	Trường Đại học Công nghiệp Tp HCM	
18	Học viện Báo chí Tuyên truyền	
19	Trường Đại học Công thương Tp HCM	
20	Trường Đại học Thương mại	
21	Học viện Khoa học quân sự	
22	Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	
23	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	
24	Học viện Cảnh sát nhân dân	
25	Đại học Bách khoa Hà Nội	
26	Trường Đại học Nam Cần Thơ	
27	Trường Đại học Ngoại Thương	
28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	
29	Trường Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh	
30	Trường Đại học Lạc Hồng	

Danh sách tiếp tục cập nhật đến ngày đăng ký dự tuyển.



# Mặt trong mẫu chứng chỉ tiếng Anh do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định

18 cm

<b>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM</b> Independence - Freedom - Happiness		<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
<b>CERTIFICATE OF PROFICIENCY</b>		<b>CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ</b>	
In: Level: _____		Ngôn ngữ: Bậc: _____	
<b>This is to certify that</b>		<b>Cấp cho</b>	
Full name: Date of birth: Has taken the Foreign Language Proficiency Assessment Exam based on the 6-level Foreign Language Proficiency Framework for Vietnam		Ho và tên: Ngày sinh: Đã tham dự kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	
Date of Exam: Overall Score:		Ngày thi: Điểm thi:	
Listening: Speaking: Hanoi,	Reading: Writing:	Nghe: Nói: Hà Nội, ngày tháng năm	Đọc: Viết: <b>HIỆU TRƯỞNG</b>
Decision number: Certificate number: Reference number:		Số Quyết định: Số hiệu: Số vào sổ cấp chứng chỉ:	⊞ + -

## PHỤ LỤC 3

### HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ DỰ THI TRỰC TUYẾN VÀ NỘP LỆ PHÍ

#### 1. Đăng ký dự thi trực tuyến

Truy cập đường link: <http://tuyensinh.hup.edu.vn> và thực hiện đăng ký dự thi trực tuyến theo các bước hướng dẫn sau:

Bước 1: Đọc Thông báo tuyển sinh đào tạo DSCKI, DSCKII năm 2023.

Bước 2: Tạo tài khoản.

Bước 3: Đăng nhập

Bước 4: kê khai thông tin cá nhân theo yêu cầu.

Bước 5: In Phiếu đăng ký, ký tên và lấy xác nhận theo yêu cầu.

Lưu ý: Liên hệ Phòng Công nghệ thông tin: 0243.9335705; 0949.228.111 hoặc Email: [ducpp@hup.edu.vn](mailto:ducpp@hup.edu.vn) để được trợ giúp nếu gặp lỗi khi đăng ký.

**2. Nộp lệ phí tuyển sinh:** Thí sinh sau khi đã đăng ký trực tuyến thành công chuyển khoản lệ phí dự thi theo thông tin sau:

Tên tài khoản: Trường Đại học Dược Hà Nội

Số tài khoản: 1600288866

Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) –

Sở Giao dịch số 3

Số tiền: xxxxx đồng

Nội dung: Trình độ tuyển sinh\_Họ tên\_Ngày sinh

Mã QR:



**NỘI DUNG HƯỚNG DẪN ÔN TẬP CÁC MÔN THI TUYỂN SINH  
DƯỢC SĨ CHUYÊN KHOA CẤP I, CẤP II NĂM 2024**

**I. DƯỢC SĨ CHUYÊN KHOA CẤP I**

**MÔN: BÀO CHẾ VÀ SINH DƯỢC HỌC**

1. Các loại dung môi dùng pha chế dung dịch thuốc và ưu, nhược điểm của chúng.
2. Ưu, nhược điểm của thuốc tiêm. Ví dụ thuốc tiêm.
3. Ưu, nhược điểm của các dạng thuốc dùng tại chỗ ở mắt. Ví dụ thuốc nhỏ mắt.
4. Thành phần của nhũ tương thuốc. Ví dụ nhũ tương thuốc.
5. Thành phần của hỗn dịch thuốc. Ví dụ hỗn dịch thuốc.
6. Ưu, nhược điểm của hỗn hợp tá dược gel thân nước để bào chế thuốc mềm dùng trên da. Ví dụ gel bôi da.
7. Kỹ thuật bào chế thuốc mỡ có dược chất tan trong tá dược. Cho ví dụ.
8. Ưu, nhược điểm của thuốc đặt trực tràng. Ví dụ thuốc đặt trực tràng.
9. Phân loại và ưu, nhược điểm của viên nén. Ví dụ viên nén.
10. Mục đích bao viên và ưu, nhược điểm của bao film (bao màng mỏng). Ví dụ viên bao.
11. Ưu, nhược điểm bột, cốm pha hỗn dịch uống. Ví dụ bột, cốm pha hỗn dịch uống.
12. Mục đích đóng thuốc vào nang và ưu, nhược điểm của thuốc nang. Ví dụ thuốc nang.

**Tài liệu tham khảo chính:**

1. Bộ môn Bào chế - Trường Đại học Dược Hà Nội (2006), *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc*, Tập 1 & 2, NXB Y học.
2. Bộ môn Bào chế - Trường Đại học Dược Hà Nội (2022), *Bào chế và sinh dược học*, Tập 1 & 2, NXB Y học.

**MÔN: HÓA DƯỢC**

TT	Chương / Nhóm thuốc	Thuốc cụ thể	Ghi chú tài liệu
1	<b>Thuốc an thần, gây ngủ</b>		
	Dẫn chất barbiturat	Phenobarbital	Hóa Dược I, tr. 26-39
	Dẫn chất benzodiazepin	Diazepam, Nitrazepam	
2	<b>Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm phi steroid</b>		
	Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm phi steroid	Aspirin, Paracetamol, Diclofenac	Hóa Dược I, tr. 79-114
3	<b>Thuốc tác dụng lên hệ thần kinh giao cảm</b>		
	Cường giao cảm Hủy giao cảm	Adrenalin, Ephedrin Propranolol	Hóa Dược I, tr. 139-174

TT	Chương / Nhóm thuốc	Thuốc cụ thể	Ghi chú tài liệu
4	<b>Vitamin</b>		
	Nhóm các vitamin tan trong nước	Vitamin B1, B6, C	Hóa Dược I, tr. 226-271
	Nhóm các vitamin tan trong dầu	Vitamin A, E	
5	<b>Thuốc ức chế tiết acid</b>		
	Nhóm kháng thụ thể H2	Famotidin	Hóa Dược II, tr. 9-31
	Nhóm ức chế bơm proton	Omeprazol/Esomeprazol, Lansoprazol	
6	<b>Thuốc điều trị tiểu đường</b>		
	Nhóm sulfonylurea	Gliclazid	Hóa Dược II, tr. 56-64
	Nhóm biguanid	Metformin	
7	<b>Thuốc kháng khuẩn quinolon</b>	Ciprofloxacin, Levofloxacin	Hóa Dược II, tr. 78-84
8	<b>Kháng sinh</b>		
	Penicillin Cephalosporin	Penicillin G, Amoxicillin, Cefuroxim, Cefotaxim, Ceftriaxon	Hóa Dược II, tr. 102-176
	Aminosid	Streptomycin, Gentamicin	
	Macrolid	Erythromycin	
9	<b>Thuốc điều trị lao</b>		
	Phân loại, tên 1 số thuốc	Isoniazid, Rifampicin	Hóa Dược II, tr. 177-187

**Ghi chú:**

- Với nhóm thuốc, cần ôn tập phần đại cương: công thức cấu tạo chung hoặc đặc điểm cấu tạo chung (nếu có), phân loại (nếu có), tên các thuốc chính, tính chất lý hóa chung, tác dụng và chỉ định chung.
- Với từng thuốc, yêu cầu: Phân tích công thức cấu tạo để tìm ra các tính chất lý, hóa học có thể ứng dụng trong pha chế, kiểm nghiệm, bảo quản; tác dụng và chỉ định (câu hỏi thi sẽ cho công thức cấu tạo của từng thuốc).

**II. DƯỢC SĨ CHUYÊN KHOA CẤP II**

**MÔN CHUYÊN NGÀNH: DƯỢC LÝ VÀ DƯỢC LÂM SÀNG**

**1. Các thông số Dược động học**

- 1.1. Sinh khả dụng tuyệt đối: Định nghĩa, công thức tính, ý nghĩa lâm sàng.
- 1.2. Sinh khả dụng tương đối: Định nghĩa, công thức tính, ý nghĩa lâm sàng.
- 1.3. Hiệu chỉnh liều khi suy giảm chức năng thận: Nguyên tắc, các bước tiến hành.
- 1.4. Thời gian bán thải: Định nghĩa, công thức tính, ý nghĩa lâm sàng.

## **2. Tương tác thuốc (cơ chế và quản lý tương tác thuốc trên lâm sàng)**

2.1. Tương tác thuốc-thuốc ở giai đoạn hấp thu.

2.2. Tương tác thuốc-thuốc ở giai đoạn chuyển hóa.

2.3. Ảnh hưởng của thức ăn đến hấp thu thuốc dùng đồng thời qua đường tiêu hóa và thời điểm dùng thuốc so với bữa ăn.

2.6. Các yếu tố quyết định thời gian uống thuốc hợp lý.

## **3. Phản ứng có hại của thuốc**

3.1. Định nghĩa, phân loại, các yếu tố liên quan đến sự phát sinh ADR và các biện pháp nhằm hạn chế ADR.

3.2. Cách báo cáo ADR.

## **4. Các nguyên tắc sử dụng kháng sinh**

4.1. Phân tích nguyên tắc "Chỉ sử dụng kháng sinh khi có nhiễm khuẩn".

4.2. Phân tích nguyên tắc "Lựa chọn kháng sinh phù hợp với vi khuẩn gây bệnh".

## **5. Các nguyên tắc sử dụng thuốc giảm đau**

5.1. Thuốc giảm đau ngoại vi:

- Phân tích nguyên tắc "Tránh dùng quá mức liều giới hạn" khi dùng thuốc giảm đau ngoại vi.

- Các biện pháp nhằm hạn chế tác dụng không mong muốn gây loét dạ dày tá tràng khi sử dụng các thuốc chống viêm không steroid (NSAID).

5.2. Thuốc giảm đau trung ương (các opioid):

- Phân loại thuốc giảm đau trung ương thành hai nhóm giảm đau trung ương mạnh và giảm đau trung ương yếu: cơ sở phân loại, ví dụ minh họa.

- Các biện pháp nhằm hạn chế tác dụng phụ không mong muốn gây tón bôn và gây buồn nôn/nôn khi sử dụng các thuốc giảm đau trung ương.

## **6. Các nguyên tắc sử dụng Glucocorticoid (GC)**

6.1. Hiện tượng ức chế trục dưới đồi - tuyến yên - tuyến thượng thận (trục HPA) và các biện pháp khắc phục tác dụng không mong muốn này khi sử dụng GC.

6.2. Khả năng gây loãng xương và các biện pháp khắc phục tác dụng không mong muốn này khi sử dụng GC.

## **MÔN CHUYÊN NGÀNH: TỔ CHỨC QUẢN LÝ DƯỢC**

1. Kỹ năng của các nhà quản trị. Yêu cầu về kỹ năng đối với mỗi cấp nhà quản trị. Vận dụng trong lĩnh vực công tác của học viên.
2. Chức năng của nhà quản trị: Hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. Vận dụng trong lĩnh vực công tác của học viên.
3. Các mô hình cơ cấu tổ chức: Trục tuyến, chức năng, trục tuyến - chức năng, ma trận. Vận dụng tại đơn vị công tác của học viên.

4. Các bước trong chu trình cung ứng thuốc: Lựa chọn, mua sắm, tồn trữ - cấp phát, sử dụng thuốc. Vận dụng vào thực tế công tác của học viên.
5. Hoạt động lựa chọn và xây dựng danh mục thuốc trong các cơ sở khám chữa bệnh: các văn bản quản lý nhà nước và một số vấn đề tồn tại trong quá trình thực hiện
6. Hoạt động đấu thầu thuốc: các văn bản quản lý nhà nước và một số vấn đề tồn tại trong quá trình thực hiện.
7. Hoạt động đảm bảo chất lượng thuốc: các văn bản quản lý nhà nước và một số vấn đề tồn tại trong quá trình thực hiện.
8. Phương pháp phân tích ABC/VEN. Ý nghĩa và thực tế vận dụng trong đánh giá danh mục thuốc.